

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – NGHỆ AN**
Bản án số:09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026
*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hồ Xuân Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà **Cao Thị Hằng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**

-Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị An** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Nơi ĐKTT: K, phường T, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Nhà số F, đường H, phường B B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Thanh P**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: K, phường T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/10/2025 và bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2026 nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh **Phạm Thanh P** đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại UBND phường Q, thị xã T (nay là phường T), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh P sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không hợp tính, có lời nói thiếu tế nhị xúc phạm đến danh dự của nhau, anh P thường xuyên kiểm chuyện vô cớ chửi bới vợ, con. Chị đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng sống hạnh phúc nuôi dạy con chung nhưng anh P không chịu sửa

đôi nên mâu thuẫn giữa chị và anh P ngày càng trầm trọng, do không thể sống chung với nhau được nữa nên chị và anh P đã sống ly thân được 03 năm. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh P.

Về con chung: Chị và anh Phạm Thanh P có 01 con chung tên là Phạm Gia H, sinh ngày 05/8/2021, hiện con chung đang ở với chị nên nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị và anh P, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh P không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 01 năm 2026 bị đơn anh Phạm Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P thống nhất như chị T đã trình bày về thời gian đăng ký kết hôn cũng như điều kiện kết hôn. Tuy nhiên theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay đi chơi về khuya nên chị T ghen tuông nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 7 năm 2024 chị T xin đi thăm chị gái, sau đó không về nhà nữa, thỉnh thoảng chị T mới điện thoại về nhà nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hiện anh cũng không còn tình cảm với chị T nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có một con chung tên là Phạm Gia H, sinh ngày 05/8/2021 đúng như chị T đã trình bày. Nay con chung đang ở với chị T nên anh đồng ý giao con chung của anh và chị T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nên anh cũng không có ý kiến gì.

Về chia tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay cũng như không vay nợ ai tài sản gì nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Thanh P.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 05/8/2021 cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng:* Chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Thanh P thường trú tại khối B, phường T, tỉnh Nghệ An. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi bổ sung) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Nghệ An.

Nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Phạm Thanh P vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của BLTTDS (đã được sửa đổi bổ sung) quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh P đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2021 tại UBND phường Q, thị xã T (nay là UBND phường T), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, yêu cầu ly hôn của chị T và ý kiến của anh P thấy rằng: Chị T và anh P không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn tuy nhiên cả hai đều thừa nhận có mâu thuẫn. Hơn nữa căn cứ vào biên bản xác minh cũng như lời trình bày của các bên thể hiện hai bên đã sống ly thân, không còn ai quan tâm chăm sóc tới nhau nữa. Nay cả hai đều thống nhất không còn tình cảm vào đều có nguyện vọng ly hôn. Do đó có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị T và anh P đều có nguyện vọng ly hôn tuy nhiên cả hai đều vắng mặt tại phiên toà do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp.

2.2. *Về nuôi con chung:* Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh P đều thống nhất có một con chung tên là Phạm Gia H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2021. Sau khi ly thân thì con chung của chị T và anh P ở với chị T. Do đó nay ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung thì anh P cũng đồng ý giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Phạm Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. *Về chia tài sản:* Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này chị T, anh P có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Chị Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí LHST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 238; 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (Đã được sửa đổi bổ sung); Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Thanh P

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T, anh P là Phạm Gia H, sinh ngày 05/8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Phạm Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Anh Phạm Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003903 ngày 23/11/2025, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch, giấy CNKH số 12 ngày 19/3/2021);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền

